

**NGÂN HÀNG BPCE IOM  
- CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**NGÂN HÀNG BPCE IOM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tầng 16, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn

Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT	2
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT	6



**NGÂN HÀNG BPCE IOM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tầng 16, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn

Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Chi nhánh") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt được lập ra, tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- Báo cáo tài chính tóm tắt được lập và trình bày nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với báo cáo tài chính đầy đủ mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt này được lập ra.

- Báo cáo tài chính tóm tắt được lập nhằm đáp ứng mục đích công khai báo cáo tài chính của Chi nhánh theo quy định hiện hành nên chỉ bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và không bao gồm Thuyết minh báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Antoine Giuliani**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 03 tháng 4 năm 2025

CH  
ÔN  
KIẾ  
Đ  
VI  
/7.

Số: 0495 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

**Kính gửi:** Ban Giám đốc  
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tóm tắt được lập ngày 03 tháng 4 năm 2025, từ trang 3 đến trang 6, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trích từ báo cáo tài chính (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Chi nhánh") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính (đầy đủ) này tại Báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 28 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính (đầy đủ) và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán độc lập nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính (đầy đủ) của Chi nhánh.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và theo các tiêu thức được mô tả tại Báo cáo của Ban Giám đốc.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi nhánh đã được kiểm toán - đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đã được kiểm toán, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và theo các tiêu thức được mô tả tại Báo cáo của Ban Giám đốc.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2023-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH  
KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 4 năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tôn Thất Tiến  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4326-2023-001-1

00  
NH  
TV  
AT  
01  
T1  
P.1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

A. Tài sản	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	Triệu VND quy đổi	USD	Triệu VND quy đổi
I. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	3.703.595	94.073	3.310.095	80.272
II. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	90.612.692	2.301.609	91.349.156	2.215.286
III. Công cụ phái sinh và các tài sản tài chính khác	4.041	103	15.519	376
IV. Cho vay khách hàng	104.488.607	2.654.065	105.891.673	2.567.953
1. Cho vay khách hàng	105.278.194	2.674.121	108.122.957	2.622.063
2. Dự phòng rủi ro tín dụng	(789.587)	(20.056)	(2.231.284)	(54.110)
V. Tài sản cố định hữu hình	167.671	4.259	390.128	9.460
- Nguyên giá	1.101.443	27.977	1.095.614	26.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	(933.772)	(23.718)	(705.486)	(17.109)
VI. Tài sản cố định vô hình	611.176	15.524	88.925	2.157
- Nguyên giá	3.848.520	97.754	3.226.162	78.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.237.344)	(82.230)	(3.137.237)	(76.080)
VII. Tài sản khác	1.092.914	27.760	1.294.421	31.390
1. Phải thu khác	483.825	12.289	574.447	13.930
2. Tiền lãi dự thu	513.966	13.055	602.864	14.620
3. Tài sản khác	95.123	2.416	123.460	2.994
4. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác	-	-	(6.350)	(154)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>200.680.696</b>	<b>5.097.393</b>	<b>202.339.917</b>	<b>4.906.894</b>
<b>B. Nguồn vốn</b>				
I. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	85.391.949	2.169.000	102.570.100	2.487.401
1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	38.595.821	980.354	52.274.197	1.267.688
2. Vay của các tổ chức tín dụng khác	46.796.128	1.188.646	50.295.903	1.219.713
II. Tiền gửi của khách hàng	61.854.075	1.571.126	47.661.251	1.155.821
III. Nợ khác	1.002.776	25.471	1.067.367	25.884
1. Tiền lãi dự trả	234.601	5.959	326.766	7.924
2. Phải trả khác	768.175	19.512	740.601	17.960
IV. Vốn và các quỹ	52.431.896	1.331.796	51.041.199	1.237.788
1. Vốn điều lệ	76.708.685	1.493.588	76.708.685	1.493.588
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	378.397	-	318.833
3. Các quỹ	2.875.314	64.573	2.875.314	64.573
4. Lỗ lũy kế	(27.152.103)	(604.762)	(28.542.800)	(639.206)
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>200.680.696</b>	<b>5.097.393</b>	<b>202.339.917</b>	<b>4.906.894</b>

**NGÂN HÀNG BPCE IOM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tầng 16, Tòa nhà Pearl 5  
Số 5 lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

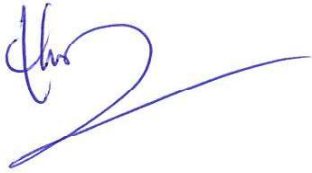
**MẪU SỐ B 02/TCTD**

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN  
ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số  
27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021  
của Ngân hàng Nhà nước

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT (Tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	Triệu VND quy đổi	USD	Triệu VND quy đổi
1. Cam kết mua ngoại tệ	10.210.000	259.339	2.419.600	58.677
2. Cam kết bán ngoại tệ	10.217.121	259.520	2.398.000	58.153
3. Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	4.041	103	15.519	376
4. Thư bảo lãnh tín dụng	2.923.258	74.252	2.409.899	58.442
5. Bảo lãnh khác	3.331.305	84.617	1.714.763	41.584
6. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	-	-	16.603	403
7. Nợ khó đòi đã xử lý	3.163.911	80.365	1.799.255	43.633
	<b>29.849.636</b>	<b>758.196</b>	<b>10.773.639</b>	<b>261.268</b>



**Tiêu Khánh Luân**  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



**Antoine Giuliani**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 03 tháng 4 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Năm nay		Năm trước	
	USD	Triệu VND quy đổi	USD	Triệu VND quy đổi
1. Thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.126.246	228.416	9.611.066	229.124
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(4.418.540)	(110.533)	(4.061.315)	(96.831)
<b>I. Thu nhập lãi thuần và các khoản thu nhập tương tự</b>	<b>4.707.706</b>	<b>117.883</b>	<b>5.549.751</b>	<b>132.293</b>
1. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	285.272	7.148	248.681	5.927
2. Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(128.971)	(3.235)	(102.149)	(2.436)
<b>II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>156.301</b>	<b>3.913</b>	<b>146.532</b>	<b>3.491</b>
<b>III. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>741.929</b>	<b>18.546</b>	<b>(23.596)</b>	<b>(355)</b>
1. Thu từ hoạt động khác	16.694	424	8.691	204
2. Chi phí hoạt động khác	(50.480)	(1.290)	(1.449)	(35)
<b>IV. (Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>(33.786)</b>	<b>(866)</b>	<b>7.242</b>	<b>169</b>
<b>V. Chi phí hoạt động</b>	<b>(3.771.064)</b>	<b>(94.586)</b>	<b>(3.616.118)</b>	<b>(86.393)</b>
<b>VI. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>1.801.086</b>	<b>44.890</b>	<b>2.063.811</b>	<b>49.205</b>
VII. Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng rủi ro tín dụng	26.418	593	(17.006)	(442)
<b>VIII. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.827.504</b>	<b>45.483</b>	<b>2.046.805</b>	<b>48.763</b>
<b>IX. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>(436.807)</b>	<b>(11.039)</b>	<b>(237.289)</b>	<b>(5.767)</b>
<b>X. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.390.697</b>	<b>34.444</b>	<b>1.809.516</b>	<b>42.996</b>

Tiêu Khánh Luân  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Antoine Giuliani  
Tổng Giám đốc  
Ngày 03 tháng 4 năm 2025

1126  
CHI N  
NG  
KIỂM  
ĐE L  
IỆT  
- TP.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*  
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Năm nay		Năm trước	
	USD	Triệu VND quy đổi	USD	Triệu VND quy đổi
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	9.215.144	230.941	9.794.423	232.520
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(4.510.705)	(113.043)	(3.919.072)	(93.039)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	156.301	3.917	146.532	3.479
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ)	741.929	18.593	(23.596)	(560)
Thu nhập từ hoạt động khác	(41.941)	(1.051)	6.790	161
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	8.155	204	-	-
Tiền chi trả cho nhân viên và các hoạt động kinh doanh liên quan	(3.486.343)	(87.371)	(3.314.002)	(78.674)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(442.807)	(11.087)	(108.289)	(2.658)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI CỦA TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG</b>				
	<b>1.639.733</b>	<b>41.103</b>	<b>2.582.786</b>	<b>61.229</b>
<b>Thay đổi tài sản hoạt động</b>				
Thay đổi các khoản cho vay khách hàng	2.844.763	71.293	(7.339.903)	(174.249)
Thay đổi công cụ phái sinh và các tài sản tài chính khác	11.478	288	(15.519)	(368)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp các khoản tổn thất	(1.415.279)	(35.468)	-	-
Thay đổi các tài sản hoạt động khác	112.609	2.822	29.866	709
<b>Thay đổi công nợ hoạt động</b>				
Thay đổi tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	(17.178.151)	(430.502)	3.667.880	87.075
Thay đổi tiền gửi của khách hàng	14.192.824	355.686	11.657.078	276.739
Thay đổi công cụ phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(1.410.096)	(33.476)
Thay đổi nợ phải trả khác	77.246	1.936	(50.499)	(1.199)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>285.223</b>	<b>7.158</b>	<b>9.121.593</b>	<b>216.460</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	(628.187)	(15.743)	(233.114)	(5.534)
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	-	-	452	11
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>(628.187)</b>	<b>(15.743)</b>	<b>(232.662)</b>	<b>(5.523)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>(342.964)</b>	<b>(8.585)</b>	<b>8.888.931</b>	<b>210.937</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	<b>94.659.251</b>	<b>2.295.558</b>	<b>85.770.320</b>	<b>2.020.234</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	108.709	-	64.387
Tiền và tương đương tiền cuối năm	<b>94.316.287</b>	<b>2.395.682</b>	<b>94.659.251</b>	<b>2.295.558</b>
<b>Trong đó:</b>				
<i>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</i>	<i>3.703.595</i>	<i>94.073</i>	<i>3.310.095</i>	<i>80.272</i>
<i>Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (dưới 03 tháng)</i>	<i>90.612.692</i>	<i>2.301.609</i>	<i>91.349.156</i>	<i>2.215.286</i>

  
Tiêu Khánh Luân  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

  
Antoine Giuliani  
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 4 năm 2025

